

GIÁO ÁN NGỮ VĂN 8 – TUẦN 6

VĂN BẢN: CÔ BÉ BÁN DIÊM

(An-đéc-xen)

Tiết: 21+22

I- Mục tiêu cần đạt:

1/ Kiến thức:

- Những hiểu biết bước đầu về “ Người kể chuyện cổ tích” An -đéc -xen.
- Nghệ thuật kể chuyện,cách thức tổ chức các yếu tố hiện thực và mộng tưởng trong tác phẩm.
- Lòng thương cảm của tác giả đối với em bé bất hạnh.

2/ Kỹ năng:

- Đọc diễn cảm, hiểu, tóm tắt được tác phẩm.
- Phân tích được một số hình ảnh tương phản (đối lập,đặt gần nhau,làm nổi bật lẫn nhau).
- Phát biểu cảm nghĩ về một đoạn truyện.

3/ Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực tự quản lý, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực nhận biết loại thể để định hướng tiếp nhận, năng lực cảm xúc thẩm mỹ.

4. Thái độ:

- Giáo dục lòng thương, biết cảm thông, chia sẻ với bất hạnh của người khác.
- Tự lập, tự tin, tự chủ và có tinh thần vượt khó.
- Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước, nhân loại.

II. Chuẩn bị:

1. Giáo viên: + SGK – SGV, bảng phụ và các phương án tích hợp với các văn bản khác.
+ Suu tầm ảnh chân dung và tập truyện của An-đéc-xen.

- 2- Học sinh: + Suu tầm và tìm hiểu về truyện của An-đéc-xen.

- + Đọc và tìm hiểu về truyện “*Cô bé bán diêm*”, trả lời các câu hỏi trong phần đọc- tìm hiểu văn bản.

III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy học:

1) Ôn định lớp:

2) Kiểm tra bài cũ: - Kiểm tra:15p

- 1.Trình bày ngắn gọn nguyên nhân và ý nghĩa cái chết của lão Hạc? (5đ)
- 2.Từ những sự việc thu xếp nhờ cậy rồi tìm đến cái chết của LHạc em hiểu lão là người ntn? (5đ)

Đáp án:

- 1.Vì đói khổ, túng quẫn nhưng cơ bản là để bảo toàn căn nhà, mảnh vườn lại cho con.(3đ)

=>1 cái chết tự nguyện xuất phát từ lòng thương con âm thầm lớn lao. (2đ)

- 2.Cách chọn cái chết như thế càng chứng tỏ đức tính trung thực, lòng tự trọng đáng quý của lão.(5đ)

3) Bài mới:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	nội dung cần đạt
<p>* Hoạt động 1: giới thiệu bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: tạo tâm thế và định hướng chú ý cho hs. - Năng lực: Năng lực tiếp nhận, hợp tác. - Thời gian: 2 phút. 		
<p>Gv giới thiệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS xem chân dung nhà văn An-đéc-xen và giới thiệu về truyện <i>Cô bé bán diêm</i> để dẫn vào bài. <p>Đan Mạch là quốc gia nhỏ nằm ở phía bắc Châu Âu, có thủ đô là Pen- Ha -Ghen. An - Đéc - Xen là nhà văn nổi tiếng nhất của Đan Mạch, ông là nhà văn của thiếu nhi với các câu chuyện cổ tích như Nàng tiên cá, bầy chim Thiên nga... & nhiều truyện ngắn hay & cảm động như em bé bán diêm. Hôm nay cô & các em tìm hiểu truyện ngắn này.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - lắng nghe và ghi tên bài học. 	
<p>* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <i>Nắm vài nét về tác giả, tác phẩm. HS nắm được giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản</i> - Năng lực: <i>tiếp nhận, cảm thụ, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo.</i> - Thời gian: <i>70 phút.</i> 		
<p>* Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên hướng dẫn cách đọc đoạn trích: Giọng đọc chậm và cảm thông, cố gắng phân biệt những cảnh thực và ảo trong những lần cô bé quẹt diêm. - GV đọc đoạn 1 của văn bản, sau đó gọi 2 em đọc 2 đoạn còn lại của văn bản. cho các em nhận xét cách đọc của bạn. - Gọi 1 em học khá tóm tắt lại nội dung văn bản một cách ngắn gọn - Hướng dẫn học sinh tìm hiểu phần giải thích từ khó. - Nêu vài nét về tác giả và tác phẩm? - Đoạn trích có thể chia mấy phần? nội dung mỗi phần? Nhận xét cách kể của truyện? - 3 phần. - Theo thời gian, sự việc phổ biến của truyện cổ tích. <p>* Hoạt động 2: tìm hiểu chi tiết văn bản.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm bắt cách đọc. • Đọc diễn cảm. - Học sinh kể tóm tắt đoạn trích. - Học sinh nêu nét chính. - Trả lời cá nhân. 	<p>I. Đọc và tìm hiểu chung:</p> <p>1. Đọc:</p> <p>2. Tác giả- Tác phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - An-đéc-xen (1805-1875) là nhà văn Đan Mạch., “người kể chuyện cổ tích” nổi tiếng thế giới. - <i>Cô bé bán diêm</i> là một trong những truyện nổi tiếng nhất của nhà văn. <p>3. Bố cục: 3 phần</p> <p>P1- Hoàn cảnh cô bé bán diêm.</p> <p>P2- Các lần quẹt diêm</p>

<p>- Đọc P1. Cho biết gia cảnh của cô bé bán diêm: Sống trong ngôi nhà ntn? Làm gì để sống?</p> <p>-> Mẹ chết, sống với bố khó tính, bà nội qua đời, sống trên gác xác mái nhà...</p> <p>- Phải đi bán diêm kiếm sống.</p> <p>- Em có nhận xét gì về gia cảnh cô bé?</p> <p>- > Đáng thương,</p> <p>- Truyện được đặt vào bối cảnh nào? Bối cảnh đó nói lên đặc điểm nào của nước thuộc Bắc Âu? (lạnh < 20 độ)</p> <p>- > Đêm giao thừa, trời gió rét, tuyết rơi, đầu trần, chân đất, lạnh, tối đen >> mọi nhà đều sáng rực...</p> <p>- Em bé ở trong tình cảnh ntn? (Đối chiếu giữa các cảnh đêm giao thừa với tình cảnh của em. Nghệ thuật được sử dụng?) Xây dựng những hình ảnh ấy nhằm nói lên điều gì?</p> <p>- Đọc phần 2. Mỗi lần quẹt que diêm em thấy những gì? Và khi que diêm tắt, thực tế gì hiện ra trước mắt ta?</p> <p>-> Lò sưởi, bàn ăn, cây thông Noel, hình ảnh người bà xuất hiện, đi cùng bà.</p> <p>- Các mộng tưởng diễn ra theo trình tự nào? Vì sao sắp xếp theo trình tự như vậy?</p> <p>- > đan xen, đối lập.</p> <p>- Mộng tưởng nào đơn thuần chỉ là mộng tưởng? (Ngõng ra khỏi đĩa..., em cùng bà bay lên trời)</p> <p>- Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì ở đoạn văn này?</p> <p>- Qua các mộng tưởng đó thể hiện tâm trạng gì của cô bé?</p> <p>- Qua việc miêu tả những lần em bé quẹt diêm cùng với những mộng tưởng tươi đẹp đan xen những thực tại phũ phàng thể hiện tình cảm gì của tác giả?</p> <p>- Gọi hs đọc đoạn cuối.</p> <p>- Nhận xét thái độ của mọi người đối với em bé?</p> <p>- Cho hs TL: Vì sao tác giả tả: đôi má hồng... Việc miêu tả đó phản ánh điều gì?</p>	<p>- Trả lời cá nhân.</p> <p>- Trả lời cá nhân.</p> <p>- Trả lời cá nhân.</p> <p>- Đọc.</p> <p>- Trả lời</p> <p>- Trả lời cá nhân.</p> <p>- Thảo luận đôi.</p>	<p>và những mộng tưởng.</p> <p>P3- Cái chết thương tâm của em bé.</p> <p>II – <u>Tìm hiểu văn bản:</u></p> <p>1- Em bé trong đêm giao thừa:</p> <p>- Gia cảnh: mẹ chết, bà nội cũng qua đời, sống với bố, nhà nghèo, sống chui rúc trong xó..., luôn nghe lời mắng chửi, phải đi bán diêm để kiếm sống</p> <p>-> Nghèo khổ, thiếu tình thương, đáng thương</p> <p>- Bối cảnh: Đêm giao thừa, rét buốt.</p> <p>- Tình cảnh: rét- đầu trần, chân đất.</p> <p>+ Sự nước ngỗng quay - đói</p> <p>+ Đêm giao thừa - nép góc tường</p> <p>+ Nhà xinh xắn...- xó tối tăm</p> <p>-> Biện pháp tương phản</p> <p>-> Làm nổi bật tình cảnh hết sức khốn khổ, tội nghiệp đáng thương.</p> <p>2- Thực tế và mộng tưởng:</p> <p>+ trời rét - lò sưởi</p> <p>+ bụng đói - ngỗng quay</p> <p>+ đêm giao thừa - cây</p>
---	--	--

<p>(Chết còn hạnh phúc hơn là sống-> Tố cáo XH)</p> <p>- Đến đây, em hiểu vì sao cô bé bán diêm lại chết?</p> <p>- Vì đói rét. Vì sự thờ ơ, lãnh đạm của mọi người.</p> <p>- Em có muốn kết thúc truyện như vậy không? Vì sao?</p> <p>- Nếu được bình luận về cái chết của cô bé từ hình ảnh em chết rét, em sẽ nói gì,?</p> <p>* Hoạt động 3: hệ thống kiến thức.</p> <p>* Câu hỏi TN: 1/ Nhận định nào nói đúng nhất về tính chất truyện cô bé bán diêm?</p> <p>A. Là tr.ngắn có hậu. C. Là tr.cổ tích thần kì</p> <p>B. Là truyện cổ có hậu. D. Là tr.ngắn có tính bi kịch. 2/ BPNT nào được dùng để làm nổi bật hoàn cảnh của cô bé:</p> <p>A. Ẩn dụ. B.T.phân. C. L.kê. D.sánh.</p> <p>3/ Nét nổi bật nhất trong NT kể chuyện của tgiả trong truyện này là:</p> <p>A. Sử dụng nhiều h. ảnh tương đồng. B. Sử dụng nhiều từ tượng hình, tượng thanh. C. // tượng tượng. D. Đan xen giữa hthực và mộng tưởng.</p> <p>4/ Nhận định nói đúng nhất nội dung của truyện?</p> <p>A. Kể về số phận bất hạnh của em bé nghèo. B. Gián tiếp nói lên bộ mặt XH nơi em bé sống- XH thiếu tình người. C.Thể hiện niềm thương cảm của nhà văn đối với những em bé nghèo khổ. D.Gồm cả 3 nội dung trên.</p> <p>5/ Sự thông cảm, tình thương yêu của nhà văn dành cho cô bé được thể hiện qua việc miêu tả những chi tiết nào?</p> <p>A. M.tả các m.tướng qua các lần quẹt diêm. B. M.tả cảnh bà cháu cùng bay lên trời. C. M.tả thi thể em bé với đôi má hồng và</p>	<p>- Nhận biết, nêu.</p> <p>- Thảo luận, trả lời.</p> <p>- Thảo luận nhóm.</p> <p>- Trả lời cá nhân.</p> <p>- HS bộc lộ suy nghĩ.</p> <p>. Xác định.</p> <p>. Xác định.</p> <p>Xác định..</p>	<p>thông Nô-en + bà mất - thấy cùng bà bay lên trời - Que diêm tắt- thực tế.</p> <p>-> Đan xen, đối lập, diễn ra hợp lí. => + Khao khát tình thương, niềm vui, niềm hạnh phúc gia đình. + Niềm đồng cảm, sự thấu hiểu của tác giả với những khát khao của em bé.</p> <p><u>3- Một cảnh thương tâm:</u> - Không ai đoán hoai: “Chắc nó muốn...” -> người đời quá lạnh lùng, tàn nhẫn. - Môi mỉm cười- má ửng hồng, cùng bà bay lên trời: hư cấu -> cái chết trong sự thanh thản. => Nỗi xót xa thương cảm của nhà văn, @ảng thêi cũ gi, trP l^an ,n l XH v-Ý nh÷ng con người l^hnh lĩng, tụn nhĩn.</p> <p>II. Tổng kết: 1. Nghệ thuật: - Kể chuyện hấp dẫn bằng 3 phương thức: tự sự + miêu tả + biểu</p>
--	---	---

đôi môi mỉm cười. D. Gồm cả 3 nội dung trên.	Xác định.	cảm. - Sử dụng nghệ thuật tương phản đối lập, đan xen thực tế và mộng tưởng giàu cảm xúc. 2. Ý nghĩa: Truyện thể hiện niềm thương cảm của nhà văn đối với những số phận bất hạnh.
---	-----------	---

Hoạt động 3: Luyện tập.(5phút)

Mục tiêu: HS vận dụng những kiến thức đã học để làm bài tập.

Năng lực: Năng lực tiếp nhận, tư duy, sáng tạo...

<ul style="list-style-type: none"> - Từ câu chuyện <i>Cô bé bán diêm</i> chúng ta thấy trách nhiệm của người lớn đối với trẻ em n/thế nào? Ngược lại trách nhiệm của trẻ em đối với người lớn và xã hội ngày nay cần chú ý những gì? - Sau khi thảo luận, GV cho học sinh trả lời, các em khác nghe, nhận xét và bổ xung. - GV kết luận một số nét chính cần chú ý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm. 	
--	---	--

Hoạt động 4: - vận dụng.(7phút)

- Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn ngắn

- Năng lực: Tiếp nhận, sáng tạo, tự học.

<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu cảm nghĩ của em về cô bé bán diêm? Xã hội em đang sống bây giờ còn có những số phận như cô bé bán diêm không? 	<ul style="list-style-type: none"> - Viết đoạn văn ngắn. 	
---	---	--

4. Dặn dò:

- Học bài, tìm một số truyện của An-đéc-Xen.

- Chuẩn bị “đánh nhau với cối xay gió”:

+ Đọc văn bản – tìm hiểu tác giả, tác phẩm.

+ Phân chia bố cục.

+ Nghệ thuật nổi bật xây dựng cặp nhân vật ĐKHT và XCPX? Dẫn chứng?

TRỢ TỪ - THÁN TỪ

Tiết 23

I/ MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1/ Kiến thức:

- Hiểu được thế nào là trợ từ, thế nào là thán từ.
- Nhận biết, hiểu tác dụng của trợ từ, thán từ trong văn bản
- Rèn luyện kỹ năng dùng trợ từ thán từ phù hợp với tình huống giao tiếp.
- Có ý thức sử dụng trợ từ và thán từ trong cuộc sống hàng ngày

2/ Kỹ năng:

- Nắm được khái niệm trợ từ, thán từ
- Đặc điểm và cách sử dụng trợ từ, thán từ.
- Dùng trợ từ và thán từ phù hợp trong nói và viết.

3/Năng lực:

- Năng lực hợp tác, tự học, tự quản lí, giao tiếp, sáng tạo
- Năng lực giải quyết vấn đề
- Năng lực tiếp nhận, hiểu nội dung kiến thức bài học, vận dụng để giải quyết các bài tập
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ để trình bày một đoạn văn, một văn bản

4/ Phẩm chất:

- Tự lập, tự tin, tự chủ
- HS có ý thức tu dưỡng, học tập.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên:

- Giáo án, sgk, bảng phụ, câu hỏi.
- Phân công nhiệm vụ cho HS ở nhà, ở lớp.

2. Học sinh:

- Học bài, soạn bài.
- Chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà và tìm một số ví dụ để phục vụ cho bài học.

III. Phương pháp, kỹ thuật dạy học:

- Phân tích, quy nạp, đàm thoại, thảo luận nhóm.
- + Nêu và giải quyết vấn đề

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ổn định lớp:

- GV kiểm tra sĩ số lớp, phân chuẩn bị bài của học sinh.

2. Kiểm tra bài cũ: (5 phút)

- Thế nào là từ ngữ địa phương? Tìm ba từ ngữ địa phương mà em biết.
- Thế nào là biệt ngữ xã hội? Tìm 3 biệt ngữ xã hội mà em biết và cho biết biệt ngữ ấy được dùng cho tầng lớp xã hội nào?

3. Bài mới:

<p>- Nó ăn có hai bát cơm.</p> <p>-Trong ví dụ, câu nào nêu lên sự việc mang tính chất khách quan đó là sự việc gì?</p> <p>- Hai câu sau thêm từ nào? từ đó có ý nghĩa nhấn mạnh vào việc gì?</p> <p>- Hai từ “ Những, có” đi kèm những từ ngữ nào trong câu?</p> <p>- Các từ: “Những và Có” biểu thị thái độ gì của người nói đối với sự việc diễn ra trong câu?</p> <p>- Qua việc tìm hiểu trên, em hiểu thế nào là Trợ từ? Hãy đọc mục ghi nhớ.</p> <p>-*GV yêu cầu HS đọc và tìm hiểu các ví dụ trong SGK.</p> <p>- Từ: “Này” có tác dụng gì?</p> <p>- Từ: “ A - Vâng” biểu thị thái độ gì?</p> <p>- Các từ vừa tìm hiểu dùng để làm gì?</p> <p>-Dựa vào các câu trả lời, em hãy cho biết Thán từ gồm mấy loại chính? GV Yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong mục II.2.</p> <p>- Em hiểu thế nào là thán từ? Thán từ thường đứng ở vị trí nào trong câu?</p>	<p>nhiều.</p> <p>=> Câu thứ 3: Thêm từ “Có” nhấn mạnh đánh giá việc nó ăn hai bát cơm là ít.</p> <p>- Hai từ “ Những, Có” đi kèm với cụm từ: “Hai bát cơm”.</p> <p>=> Các từ: “ Những, có” dùng để biểu thị thái độ nhấn mạnh đánh giá của người nói đối với sự vật, sự việc được nói đến trong câu.</p> <p>- Trao đổi và trả lời câu hỏi.</p> <p>- trả lời</p> <p>Đọc ghi nhớ</p> <p>Đọc và tìm hiểu các ví dụ trong SGK.</p> <p>-Trả lời các câu hỏi, các em khác nhận xét và bổ sung</p> <p>a- “ Này” Gây sự chú ý ở người đối thoại.</p> <p>- “A” Thái độ tức giận hoặc vui mừng.</p> <p>- “ Vâng” Thái độ lễ phép.</p> <p>=> Từ “A” dùng để bộc lộ cảm xúc.</p> <p>HS trả lời</p> <p>b. Lựa chọn các câu a – d là đúng</p> <p>-Lựa chọn câu trả lời.</p> <p>HS dựa vào ghi nhớ để trả lời.</p>	<p>b. Ghi nhớ 1:(.SGK /70) Học sinh tự học trong SGK</p> <p>2. <u>Thán Từ</u></p> <p>a. Ví dụ.</p> <p>2. Ghi nhớ 2:(SGK/70)</p>
--	--	--

<p>Có những loại thán từ nào?</p> <p>-Hoạt động 2: Tổng kết bài học</p> <p>GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>-Nhắc lại khái niệm trợ từ, thán từ, thán từ gồm mấy loại chính?</p>		
<p>HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (15 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS luyện tập, vận dụng những kiến thức trong bài học để làm bài tập và giải quyết vấn đề trong thực tiễn, phát huy năng lực cá nhân.</p> <p>Năng lực: Năng lực tiếp nhận, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy, sáng tạo, ...</p>		
<p>GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Hướng dẫn học sinh làm bài tập 1</p> <p>B2/ HS đọc, giải thích.</p> <p>B3/71. HS xác định thán từ (Giải cá nhân)</p> <p>B4/ 71.</p> <p>B5/ 72 Cho 5 hs lên bảng, đặt câu với các thán từ khác nhau.</p> <p>B6/ HS giải cá nhân.</p> <p>- Gọi dạ: Khi người khác gọi, nhất là người lớn thì phải dạ, tỏ ý lễ độ.</p> <p>- Bảo vâng: Khi</p>	<p>-HS thực hiện nhiệm vụ học tập:</p> <p>- Học sinh làm bài tập.</p> <p>-Đọc và làm bài tập.</p> <p>Trả lời trước lớp.</p> <p>Đọc và thảo luận câu hỏi.</p> <p>Trả lời câu hỏi, nhận xét và bổ sung ý kiến.</p> <p>Đọc, tìm kiếm và trả lời.</p> <p>Đọc, thảo luận và trả lời câu hỏi. Các em khác nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến</p>	<p><u>II. Luyện tập:</u></p> <p><u>Bài 1:</u></p> <p>-Trợ từ có trong các câu: a, c, g, i</p> <p><u>Bài 2:</u></p> <p>-Lấy: nghĩa là không có một lá thư, không có một lời nhắn gửi, không có một đồng quà.</p> <p>-Nguyên: nghĩa là quá vô lý.</p> <p>-Nguyên: nghĩa là chỉ kể riêng tiền thách cưới đã quá cao.</p> <p>-Cả: nhấn mạnh một việc lặp lại nhằm chán.</p> <p><u>Bài 3:</u></p> <p>Này, à, ấy, vâng, chao ôi, hỡi ơi.</p> <p><u>Bài 4:</u></p> <p>-Kìa: tỏ ý đặc chí</p> <p>-Ha ha: khoái chí</p> <p>-Ái ái: tỏ ý van xin</p> <p>-Than ôi: tỏ ý nuối tiếc</p> <p><u>Bài 5:</u></p> <p>-Trời! Cái áo đẹp quá</p> <p>-Ôi! Tôi mừng vô kể</p> <p>-Eo ôi! Con Hồ kia</p> <p>-Ái! Đau quá!</p> <p><u>BT6:</u></p>

<p>người khác khuyên bảo, sai bảo thì phải vâng lời làm theo. -> Hai cách ứng xử đẹp của người có văn hoá. BT vận dụng: 1/Viết 1 câu có sử dụng trợ từ cho biết trợ từ đi kèm dùng để làm gì? 2/ Viết 1 câu có sử dụng thán từ và cho biết thán từ đó dùng để làm gì?</p>	<p>HS tự viết và trình bày GV + HS trao đổi nhận xét</p>	<p><u>Bài tập vận dụng</u></p>
<p align="center">HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI- MỞ RỘNG (6 phút) Mục tiêu: HS bước đầu hiểu, biết tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức đã học liên quan đến cuộc sống trong và ngoài nhà trường . Năng lực: Tự học, hợp tác, tiếp nhận.</p>		

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung yêu cầu cần đạt
<p>GV: Chuyển giao nhiệm vụ học tập <i>Viết đoạn văn ngắn 5-7 câu về chủ đề gia đình trong đó có sử dụng ít nhất 1 trợ từ, 1 thán từ và cho biết trợ từ, thán từ đó dùng để làm gì?</i> GV: Theo dõi, hỗ trợ cho các đối tượng HS. GV: Sau đó cho HS xung phong trình bày kết quả của mình →GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>HS thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS làm việc độc lập. - HS trình bày kết quả. -Lớp nhận xét. - HS lắng nghe, học hỏi.</p>	<p>- HS vận dụng kiến thức để viết đoạn đúng yêu cầu.</p>

Hướng dẫn tự học và dặn dò (1 phút)

- Học bài nắm được các nội dung đã tìm hiểu.
- Soạn bài" Tình thái từ ": Đọc các ví dụ SGK, và bước đầu trả lời các câu hỏi ở SGK .
- GV giao nhiệm vụ học tập: Các nhóm trình bày quan hệ giao tiếp với nhau trong cuộc sống và học tập có sử dụng trợ từ và thán từ

Rút kinh nghiệm tiết dạy:

MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

Tiết:24

I/ MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1/ Kiến thức:

- Vai trò của yếu tố kể trong văn bản tự sự.
- Vai trò của các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản tự sự.
- Sự kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu lộ tình cảm trong văn bản tự sự.

2/ Kỹ năng:

- Nhận ra và phân tích được tác dụng của các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản tự sự
- Sử dụng và kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản tự sự.

3/ Năng lực:

- Năng lực hợp tác: tự học, tự quản lí, giao tiếp, sáng tạo
- Năng lực giải quyết vấn đề
- Năng lực tiếp nhận: hiểu nội dung kiến thức bài học, vận dụng để giải quyết các bài tập ...
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ để trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân bằng cách viết một đoạn văn, một văn bản

4/ Phẩm chất:

- Tự lập, tự tin, tự chủ
- HS có ý thức tu dưỡng, học tập.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên:

- Giáo án, SGK, SGV bảng phụ, câu hỏi.
- + Một số đoạn văn có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm.
- Phân công nhiệm vụ cho HS ở nhà, ở lớp.

2. Học sinh:

- Học bài, soạn bài, chuẩn bị trước các bài tập ở nhà
- Đọc lại các bài viết về văn tự sự của bản thân (đã chuẩn bị ở nhà theo phân công) và xác lập các yếu tố miêu tả, biểu cảm đã được sử dụng.

III. Phương pháp, kỹ thuật dạy học:

- Vấn đáp, phân tích, quy nạp, đàm thoại, thảo luận nhóm.
- + Nêu và giải quyết vấn đề

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Ôn định lớp :

2. Kiểm tra bài cũ:

- Đoạn văn là gì? Dấu hiệu nào để nhận biết đoạn văn? **(5 phút)**
- Thế nào là tóm tắt văn bản tự sự? Trình bày cách tóm tắt văn bản tự sự?

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

- Mục tiêu: Tạo tâm thế, định hướng chú ý cho HS.
- Năng lực: Năng lực tiếp nhận, hợp tác, tìm hiểu.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung yêu cầu cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Hoạt động nhóm:</p> <p>GV cho 2 HS ở 2 nhóm đọc một đoạn văn trong các bài viết văn tự sự của bản thân (đã chuẩn bị ở tiết trước) và yêu cầu các em xác lập các yếu tố miêu tả, biểu cảm đã được sử dụng.</p> <p>-GV theo dõi, hỗ trợ.</p> <p>-GV nhận xét và dẫn vào bài mới</p> <p>Giới thiệu bài:Tự sự, miêu tả, biểu cảm và 3 phương thức biểu đạt riêng biệt có những đặc điểm riêng. Nhưng trong VB tự sự, người ta thường dùng miêu tả, biểu cảm đan xen với phương thức tự sự nhằm mục đích làm cho lời văn sinh động tăng sức thuyết phục...</p> <p>- GV ghi tên bài học.</p>	<p>HS thực hiện nhiệm vụ học tập:</p> <p>-HS quan sát theo dõi thông tin</p> <p>-HS trao đổi, hợp tác để tìm hiểu và trả lời.</p> <p>HS báo cáo,nhận xét kết quả</p> <p>- HS lắng nghe và ghi tên bài học</p>	<p>-Hình thức khởi động hợp lí, sáng tạo, gây hứng thú cho HS.</p> <p>-Định hướng được khái niệm kiến thức bài học</p>

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (15 phút)

- Mục tiêu: - Hướng dẫn học sinh tìm hiểu sự kết hợp các yếu tố kể, tả và bộc lộ cảm xúc trong văn bản tự sự.
- Năng lực: Năng lực tiếp nhận,hợp tác, tìm hiểu, thu thập kiến thức bài học,sáng tạo, tư duy.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung yêu cầu cần đạt.
<p>Hoạt động 1: Tìm hiểu chung: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm của VB tự sự, miêu tả, biểu cảm được biểu hiện ntn? (Các tiêu chí) <p>GV theo dõi, hỗ trợ, nhận xét trả lời của HS các nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh đọc đoạn văn mục I (SGK)? - Học sinh thảo luận câu hỏi: + Căn cứ nào để xác định được các yếu tố miêu tả, biểu cảm và kể chuyện trong văn bản? - Gọi đại diện nhóm trả lời? - Xác định yếu tố tự sự? (trong đoạn trích tác giả kể lại việc gì) (sự việc bao trùm). - Sự việc ấy được kể lại bằng các chi tiết nhỏ nào? - Tìm các yếu tố miêu tả trong đoạn văn? - Chỉ ra câu văn, từ ngữ nào thể hiện yếu tố biểu cảm? - Nhận xét 3 yếu tố: tự sự, miêu tả và biểu cảm đứng riêng hay đan xen với nhau? Vậy trong văn bản tự sự, 3 yếu tố đó được sử dụng như thế nào? - Giáo viên đưa ví dụ: “Tôi 	<p>HS thực hiện nhiệm vụ học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho hs thảo luận nhóm: - Tự sự: Nêu sự việc, hoạt động, nhân vật - Tả: Chỉ ra t.chất, màu sắc, mức độ của sự việc, nh.vật, hành động. - Biểu cảm: Bộc lộ cảm xúc, thái độ của người viết trước sự việc, nh.vật, hành động. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc. - Kể: sự việc, hành động, nhân vật. - Tả: tính chất, màu sắc, mức độ của sự việc, nhân vật, hành động. - Biểu cảm: bày tỏ cảm xúc, thái độ. - Cuộc gặp gỡ đầy cảm động giữa nhân vật tôi và người mẹ lâu ngày xa cách - Học sinh trả lời. - Tôi thờ hồng hộc, trán đầm mồ hôi... - Hay tại... sung túc. - Tôi thấy... lạ thường - Phải bé lại... vô cùng. - Đan xen vào nhau: vừa tả, kể, biểu cảm. → Rút ra kết luận bài học (1) <p>Hoạt động cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tôi ngồi trên xe, cạnh mẹ 	<p>I Tìm hiểu chung:</p> <p>1 / <u>Sự kết hợp các yếu tố kể, tả và biểu cảm trong văn bản tự sự:</u> Vd/72-73:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kể: tôi ngồi trên đệm xe -> đảm bảo cốt truyện. + Tả: đui áp đui...mẹ tôi + Biểu cảm: Những...lạ thường -> Sinh động, sâu sắc. <p>=> Đan xen nhau, có quan hệ qua lại, bổ sung cho nhau.</p>

<p>ngồi trên... lạ thường”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn văn kể việc gì? - Tìm yếu tố tả? - Tìm yếu tố biểu cảm? - Nếu bỏ tất cả các yếu tố miêu tả và biểu cảm, ta có đoạn văn sau: giáo viên treo đoạn văn ở bảng phụ lên. - Nhận xét; nếu bỏ yếu tố miêu tả và biểu cảm thì đoạn văn như thế nào? - Nếu tước bỏ yếu tố tự sự thì đoạn văn sẽ như thế nào? <p>-Vậy tác dụng của yếu tố miêu tả và biểu cảm trong việc kể chuyện?</p> <p>Hoạt động 2:Tổng kết kiến thức đã thu thập</p> <p>-Gọi HS đọc ghi nhớ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đùi áp đùi mẹ tôi,... - Những cảm giác... <p>- Khô khan không gây xúc động cho người đọc.</p> <p>- Không còn các sự việc và nhân vật, không còn chuyện, trở nên vu vơ, khó hiểu.</p> <p>- Hấp dẫn, sinh động, khiến người đọc suy nghĩ, liên tưởng và rút ra được bài học, câu chuyện có ý nghĩa sâu sắc hơn.</p> <p>-HS đọc ghi nhớ ý nghĩa.</p>	<p>* Ghi nhớ: sgk/ 74</p> <p>- Trong văn bản tự sự, rất ít khi các tác giả chỉ thuần kể người, vật, việc(Kể việc) mà khi kể thường đan xen các yếu tố miêu tả và biểu cảm.</p> <p>- Các yếu tố miêu tả và biểu cảm làm cho việc kể chuyện sinh động và sâu sắc hơn.</p>
--	--	--

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG (13 phút)

Mục tiêu: Nhằm củng cố kiến thức cho học sinh. Giúp học sinh biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập.

Năng lực: Năng lực tiếp nhận, hợp tác,thực hành,giải quyết vấn đề, tư duy, sáng tạo, ...

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung yêu cầu cần đạt.
<p>GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:</p> <p>GV cho học sinh thảo luận nhóm bài tập số 1.</p> <p>-Sau khi học sinh thảo luận, GV cho đại diện nhóm trả lời và gọi các nhóm khác nhận xét và bổ sung</p> <p>- GV: nhận xét,đánh giá, tuyên dương.</p>	<p>-HS thực hiện nhiệm vụ học tập:</p> <p>Thảo luận nhóm, đại diện nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến.</p>	<p>II Luyện tập:</p> <p><u>Bài 1:</u></p> <p>a) Đoạn văn trong văn bản “Tôi đi học”</p> <p>-“Sau 1 hồi trống thúc vang dội.... Rộn rảng trong các lớp”</p> <p>-Yếu tố miêu tả: sau 1 hồi trống thúc... sắp hàng... đi vào lớp, không đi, không đứng lại, co lên 1 chân,... duỗi nhanh như đá một quả banh tưởng tượng.</p> <p>-Yếu tố biểu cảm: vang dội cả lòng tôi, cảm thấy mình chơ vơ, vụng về lúng túng, run run theo nhịp bước rộn</p>

<p>- GV ; Hướng dẫn HS cách làm bài tập 2.</p>		<p>ràng trong các lớp. b) Đoạn văn trong văn bản “lão Hạc” “Chao ôi! Đói với... và lão cứ xa tôi dần dần” -Yếu tố miêu tả: tôi giấu giếm vợ tôi, thình thoảng giúp ngấm ngấm lão Hạc, lão từ chối tất cả những cái gì tôi cho lão, và lão cứ xa tôi dần dần. -Yếu tố biểu cảm: Chao ôi!... tàn nhẫn, khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa, tôi chỉ buồn chứ không nổi giận... <u>Bài 2:</u> Yêu cầu: Kể lại giây phút đầu tiên khi gặp lại bà... -Cách làm: -Nên bắt đầu từ chỗ nào? -Không gian: từ xa đến gần thấy người thân như thế nào? (vóc người, dáng đi, mái tóc, gương mặt, nụ cười, quần áo...) -Hành động: lời nói, cử chỉ, ngôn ngữ... Biểu hiện tình cảm của 2 người khi gặp nhau như thế nào?</p>
<p>HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI- MỞ RỘNG (7phút) Mục tiêu: HS bước đầu hiểu, biết tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức đã học để vận dụng vào việc tạo lập văn bản viết và giao tiếp trong cuộc sống . Năng lực: Tự học, hợp tác, tiếp nhận.</p>		

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
<p>GV: Chuyển giao nhiệm vụ học tập <i>Viết đoạn văn ngắn tự sự trong đó có sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm. Chỉ ra các yếu tố miêu tả, biểu cảm và nêu</i></p>	<p>HS thực hiện nhiệm vụ học tập: - HS làm việc độc lập.</p>	<p>- HS vận dụng kiến thức để viết đoạn đúng yêu cầu.</p>

<p><i>tác dụng của việc sử dụng các yếu tố đó.</i></p> <p>GV: Theo dõi, hỗ trợ cho các đối tượng HS.</p> <p>GV: Sau đó cho HS xung phong trình bày kết quả của mình →GV nhận xét, tuyên dương.</p>	<p>- HS trình bày kết quả.</p> <p>-Lớp nhận xét.</p> <p>- HS lắng nghe, học hỏi.</p>	
---	---	--

Hướng dẫn tự học và dặn dò (2 phút)

- Học bài nắm được các nội dung đã tìm hiểu.
- Soạn bài: “Luyện tập viết đoạn văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm “.Đọc các ví dụ SGK, và bước đầu trả lời các câu hỏi ở SGK .
- GV giao nhiệm vụ học tập: Các nhóm về tìm hiểu và sưu tầm các bài văn hay làm tư liệu cho tiết học đến

Rút kinh nghiệm tiết dạy: